TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2017

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám;

2. Bà Lý Thị Đào;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-HN ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1994(Có mặt).

Địa chỉ: Số … ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1993(Vắng mặt).

Địa chỉ: Số .. ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 29.5.2017, tại các phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:

Bà và ông Trần Văn L tổ chức cưới tháng 11/2012, có đăng ký kết hôn vào tháng 1 năm 2014 tại UBND xã H, huyện M. Sau khi kết hôn bà về làm dâu

bên nhà chồng, vợ chồng chung sống với nhau được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà đã cố gắng duy trì hôn nhân nhưng không cải thiện được mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn dẫn đến bà và ông L đã sống ly thân cùng nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Trần Văn L có 01 con chung là Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/9/2013 hiện đang sống với bà S. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các phiên hòa giải ông Trần Văn L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc S tổ chức cưới tháng 11/2012, có đăng ký kết hôn vào tháng 1 năm 2014 tại UBND xã H, huyện M. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ ông, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến về vấn đề tình cảm. Đến tháng 2/2017 thì bà S về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay bà S yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông còn thương vợ thương con.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà S có 01 con chung là Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/9/2013 hiện đang sống với bà S. Trường hợp Tòa án giải quyết phải ly hôn thì ông yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu bà S cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên trình bày: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà S và ông L ly hôn về con giao cho bà S tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, về cấp dưỡng ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn L đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông L đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố

tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Trần Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014 ngày 20/01/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông L là hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà S, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà S và ông L sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà phải sống làm dâu bên chồng nên cuộc sống sinh hoạt trong gia đình bên nhà chồng ông L không kịp thời chia sẻ động viên bà mà ngược lại ông đối xử với bà không được tốt dẫn đến bà và ông L thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 2/2017 thì bà S và ông L không còn sống chung với nhau, mặc dù ông L nhiều lần yêu cầu bà S về hàn gắn đoàn tụ gia đình để sống nuôi con nhưng bà S không còn tình cảm cùng ông L bà S cương quyết yêu cầu ly hôn vì bà S không tìm thấy hạnh phúc khi chung sống cùng ông L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà S và ông L tuy không trầm trọng, nhưng bà S không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa bà S vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc S.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Trần văn L có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/9/2013 hiện đang sống cùng bà Sen và bà Sen có nguyện vọng tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định " Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con" Tại các phiên hòa giải bà S ông L không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, hiện nay cháu Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/9/2103 chưa đủ 07 tuổi nên do Hội đồng xét xử quyết định. Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà S, từ khi bé Bảo N sinh ra đến khi bà S ông L có mẫu thuẫn thì cháu Bảo N do bà S và ông L chăm sóc nuôi dưỡng, nhưng từ khi bà S và ông L không còn sống chung thì bà S là người trực tiếp nuôi cháu Bảo N, do bà S trực tiếp chăm sóc về mặt tình cảm cháu Bảo N gắn bó với bà S nhiều hơn, và cũng để cho cháu Bảo N ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của cháu Bảo N, hơn nữa cháu Bảo N là con gái về mặt chăm sóc khi cháu trưởng thành do bà S chăm sóc sẽ đảm bảo hơn về mọi mặt cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/9/2013 cho bà Sen tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi là phù hợp. Do chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà S nên yêu cầu của ông L về việc được nuôi con không được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn với ông Trần Văn L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/9/2013 đến trưởng thành. Ông Trần Văn L được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005296 ngày 08.6.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà S đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, án đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn***;***
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiện